

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh A**

Bản án số: 46/2023/HS-ST
Ngày: 16-02-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Kim Phương
Bà Lê Thị Chúc Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyến là Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 65/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 47/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Chê A (tên gọi khác: G), sinh năm 1990, tại Lâm Đồng; nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chê S (1963) và bà Vòng N (1964); bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có ba anh em, có vợ Nguyễn Ngọc Minh C (1998, chưa đăng ký kết hôn) và một con sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 18/9/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, theo bản án số 81/2009/HS-ST, chấp hành xong ngày 18/01/2012; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/7/2022 đến ngày 02/8/2022 bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thống Nhất. (Có mặt)

- Bị hại: Anh Chu Văn N sinh năm 1986

Nơi cư trú: Số C, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Đức H sinh năm 1989

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

Nơi cư trú: Ấp D, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 12 giờ ngày 24/7/2022, Chê A đi bộ ngang qua quán cà phê “Yuli” của chị T tại tổ 2, ấp D, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai, thấy quán có chòi và võng nên A vào nằm nghỉ. Khoảng 10 phút sau, A thấy anh Chu Văn N điều khiển xe mô tô hiệu Sirius, biển kiểm soát 47T1-212.45 chở anh Nguyễn Đức H vào quán để uống nước. A quan sát thấy anh N dựng xe trước quán và để chìa khóa xe ở nền quán phía dưới võng rồi nằm trên võng coi điện thoại nên A đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe của anh N. A lợi dụng lúc anh N không để ý đã lén lút lấy trộm chìa khóa xe, sau đó lại vị trí dựng xe và dắt chiếc xe của anh N ra hướng ngoài cổng được khoảng 07 mét, A cắm chìa khóa đề máy xe nhưng xe không nổ, A dùng chân đạp máy xe, nghe tiếng đạp máy xe thì anh N và anh H phát hiện sự việc chạy ra bắt giữ A và báo Công an xã H lập biên bản phạm tội quả tang.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 799/KL-HĐĐGTS ngày 27/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thống Nhất xác định: Một xe mô tô biển kiểm soát 47T1-212.45, hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ đen, số khung: C630CY703054, đã qua sử dụng, mua mới từ năm 2013 trị giá 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Tại Cáo trạng số 85/CT-VKS-TN ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố Chê A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo A từ 15 (Mười lăm) đến 18 (Mười tám) tháng tù. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí hình sự sơ thẩm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Chê A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tham gia tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác khẳng định khai báo tự nguyện, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Bị hại - anh Chu Văn N và người làm chứng - anh Nguyễn Đức H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa (Anh N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt không rõ lý do). Căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về tội danh và khung hình phạt:* Tại phiên tòa, bị cáo Chè A khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang Kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ động cơ vụ lợi, muốn có phương tiện đi lại nhưng lại không có nghề nghiệp, lười lao động nên vào khoảng 12 giờ 10 phút ngày 24/7/2022, tại quán cà phê “Yuli” thuộc tổ 2, ấp D, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Chè A đã có hành vi lén lút lấy trộm một xe mô tô biển số 47T1-212.45 trị giá 8.000.000đ (Tám triệu đồng) của anh Chu Văn N thì bị phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng.

Như vậy, hành vi của Chè A thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự: “... *trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Do đó, Cáo trạng số 85/CT-VKS.TN ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố Chè A về tội danh và khung hình phạt như đã nêu trên là đúng người, đúng tội và không oan sai cho bị cáo.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Lẽ ra là thanh niên, bị cáo phải nỗ lực phấn đấu, tu dưỡng bản thân, lao động để tạo ra của cải vật chất, giúp đỡ gia đình và xã hội nhưng do lười lao động bị cáo lại đi vào con đường phạm tội. Do đó cần phải có mức án tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả hành vi của bị cáo gây ra, nhằm giáo dục bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa chung.

[4] *Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:*

Bản thân bị cáo đã từng bị kết án về tội “Cố ý gây thương tích” với mức hình phạt 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, mặc dù đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý.

Tuy nhiên, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải

về hành vi phạm tội của mình; bản thân bị cáo là người dân tộc và có học vấn thấp nên nhận thức pháp luật bị hạn chế. Do đó, xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, là căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] *Về quyết định hình phạt*: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để bị cáo suy nghĩ về hành vi phạm tội của mình, tự giác cải tạo, học tập, lao động trở thành công dân sống lương thiện, có ích cho xã hội và biết tuân thủ pháp luật.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Căn cứ tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Xét thấy, bị cáo không có tài sản và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] *Về vật chứng vụ án*: Một xe mô tô biển kiểm soát 47T1-212.45, số khung C630CY703054, số máy 5C63703110 và hai chìa khóa xe mô tô màu đen là tài sản của bị hại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đã trả cho bị hại (theo *Quyết định xử lý vật chứng số 54/QĐ-CSĐT* và *Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu cùng ngày 12/8/2022*) là phù hợp.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại - anh Chu Văn N đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố là có căn cứ và phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên chấp nhận. Tuy nhiên, về hình phạt như đã nhận định ở trên việc xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là có căn cứ, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[10] *Về án phí*: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50 và điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;
- Khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Chê A (tên gọi khác: G) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Chê A 09 (Chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/7/2022.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Chê A phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thùy Trang